

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 05 tháng 6 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 557/DSST ngày 03/9/2019 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản”

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà X, sinh năm 1954

Địa chỉ: 23/20 Đường K, ấp 11, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh

Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà H - Luật sư thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Ông N, sinh năm 1935

Địa chỉ: 499 đường L, Phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện theo uỷ quyền của bị đơn: Ông P, sinh năm 1981

Địa chỉ: 499 đường L, Phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà P, sinh năm 1969, chết năm 2020

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Phương:

1.1 Ông S, sinh năm 1969

1.2 Bà U, sinh năm 2001

Cùng địa chỉ: 216/95 đường H, Phường M, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh

2. Ông V, sinh năm 1983

Địa chỉ: 743/10 đường L, Phường C, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Ông T, sinh năm 1940

Địa chỉ: 9122 F V D H, Texas, 77064, USA

4. Ông H, sinh năm 1954

Địa chỉ: 7822 C M D H, Texas, 77064, USA

5. Bà H1, sinh năm 1957

Địa chỉ: 1130 H, V H, Texas, 77064, USA

6. Bà L, sinh năm 1968

Địa chỉ: 2906 K, H, Texas, 77064, USA

Người đại diện theo uỷ quyền của các ông bà T, H, H1, L: Bà A, sinh năm 1979

Địa chỉ: C09-08B, lầu 9, 683 đường A, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

6. Bà H2, sinh năm 1959

Địa chỉ: 44/5 đường H, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

7. Bà N, sinh năm 1960

Địa chỉ: 753/3 đường L, Phường C, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

8. Văn phòng Công chứng T

Địa chỉ: 526-528 đường C, Phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Q

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Các bên đương sự thống nhất xác định di sản thừa kế của ông H1 và bà H3 để lại là nhà và đất tại địa chỉ 499 đường L, Phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

2.2. Hàng thừa kế của ông H1 và bà H3 bao gồm:

- Ông N, sinh năm 1935

- Bà L (sinh năm 1946, chết năm 2009)

Những người thừa kế hàng thứ nhất của bà L:

+ Bà P (sinh năm 1969, chết năm 2020). Những người thừa kế của bà Phương: Ông S và bà U (Ông S đồng ý giao toàn bộ phần thừa kế mà ông được hưởng cho bà U)

+ Ông V, sinh năm 1983

- Ông T, sinh năm 1940

- Ông H sinh năm 1954

- Bà X, sinh năm 1954

- Bà H1, sinh năm 1957

- Bà L, sinh năm 1968

- Bà H2, sinh năm 1959

- Bà N, sinh năm 1960

2.3. Tỷ lệ chia thừa kế cụ thể như sau:

- Ông N được nhận 35% giá trị di sản

- Bà U được nhận 3.5% giá trị di sản (50% giá trị di sản của bà Lan được thừa kế)

- Ông V được nhận 3.5% giá trị di sản (50% giá trị di sản của bà Lan được thừa kế)

- Ông T được nhận 1/6 của 52% giá trị di sản
- Ông H được nhận 1/6 của 52% giá trị di sản
- Bà X được nhận 1/6 của 52% giá trị di sản
- Bà H1 được nhận 1/6 của 52% giá trị di sản
- Bà L được nhận 1/6 của 52% giá trị di sản
- Bà H2 được nhận 1/6 của 52% giá trị di sản
- Bà N được nhận 6% giá trị di sản

Các bên thống nhất tự định giá giá trị di sản là nhà và đất tại số 499 đường L, Phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh là 6.000.000.000 đồng (sáu tỉ đồng).

2.4. Bị đơn ông N được quyền tiếp tục quản lý, sử dụng căn nhà số 499 đường L, Phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cho đến khi ông Nhâm, bà Hà Thị Nối qua đời thì các đồng sở hữu di sản thừa kế nói trên sẽ tiến hành bán nhà để phân chia theo tỉ lệ nêu trên. Trong trường hợp bất khả kháng gia đình ông Nhâm cần bán nhà trước để phân chia, thì phải được sự đồng ý của các đồng thừa kế còn lại.

2.5. Các đương sự đồng ý để ông N tiếp tục cho thuê nhà số 499 đường L, Phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Tiền thuê hàng tháng (sau khi đã trừ thuế theo quy định – nếu có) ông N được hưởng 50% giá trị tiền thuê, ông N có trách nhiệm giao 50% cho các đồng thừa kế còn lại theo số tài khoản: 0071001277406 tại Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh; Chủ tài khoản: A. Tiền thuê nhà sẽ được trả định kì 3 tháng/lần. Số tiền bà Ánh nhận được từ việc cho thuê nhà do các đồng thừa kế còn lại tự thỏa thuận phân chia.

2.6. Các bên thống nhất huỷ Văn bản khai nhận và thỏa thuận phân chia di sản thừa kế số 007371/VBKNTTPCDSTK ngày 14/5/2012 tại Văn phòng Công chứng T.

2.7. Các bên thống nhất huỷ phân cấp nhật biến động do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai quận T cập nhật ngày 24/5/2012.

2.8. Các bên thống nhất cập nhật biến động về các đồng sở hữu tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, tỉ lệ phân chia di sản theo thỏa thuận như trên.

2.9. Các đương sự thống nhất yêu cầu Toà án đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số 813593, số vào sổ CH00777 do UBND quận T cấp ngày 12/01/2012

2.10. Về án phí: Các đương sự đóng án phí theo tỉ lệ di sản được hưởng. Cụ thể:

- Các ông bà N, T, H, X, H1, H2, N được miễn án phí do là người cao tuổi.
- Ông V và bà U mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.250.000 đồng (năm triệu, hai trăm năm mươi ngàn đồng)

- Bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 12.400.000 đồng (mười hai triệu, bốn trăm ngàn đồng)

Hoàn trả lại cho bà X số tiền 10.889.000 đồng (mười triệu, tám trăm tám mươi chín ngàn đồng) mà bà Xuân đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0024354 ngày 29/8/2019 tại Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Tp.HCM;
- VKSND Tp.HCM;
- Cục THA DS Tp.HCM;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Ngọc Tài